TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2023/DS-PT
Ngày: 27/11/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Trường Thọ**

Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Ngọc Quí** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Lữ Thị Tuyết Lan** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 254/2023/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 104/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 259/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bé Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị Lê Thị Bé Q: Ông Võ Ngọc K, sinh năm 1977; địa chỉ: số E đường N, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ; địa chỉ hiện nay: số H đường C tháng tám, phường B, quận B, Thành phố Cần Thơ (Theo Giấy uỷ quyền ngày 15/11/2023).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị T1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2023 và các lời khai khác trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lê Thị Bé Q trình bày:

Giữa nguyên đơn chị Lê Thị Bé Q và bị đơn anh Nguyễn Văn T trước đây có quen biết nhau và có tổ chức tiệc ra mắt cha mẹ hai bên và bạn bè vào khoảng tháng 02/2023 do chị Q có chồng và có con nhưng đã ly hôn, chị và anh T dự định đi đăng ký kết hôn nhưng chị phát hiện anh T nói dối chị do trước đây anh T có vợ và nói đã ly hôn rồi nhưng sự thật là chưa ly hôn và anh T không lo làm ăn nên chị không thể đăng ký kết hôn với anh T, từ đó hai người chỉ xem nhau là bạn, cuộc sống ai nấy sống, nhà ai nấy ở chứ không phải là vợ chồng.

Vào ngày 23/6/2023, lúc khoảng 9-10 giờ, chị có mua 02 tờ vé số kiến thiết đài Vĩnh Long, một tờ mang dãy số 777096 và một tờ chị nhớ có 02 số cuối là ....32 do anh Phan Thành D bán cho chị tại tiệm tạp hóa nhà của chị. Chiều lại cùng ngày 23/6/2023 mở thưởng nhưng chị không dò số và không hay mình trúng số, sau đó anh D lại tiệm của chị nói chị trúng 01 tờ vé số, khi dò số chị phát hiện mình trúng 01 tờ vé số đài Vĩnh Long có dãy số 777096. Qua một, hai ngày sau thì anh T lại nhà chị nói anh T có mua 02 tờ vé số có số cuối 96 đưa cho chị giữ hộ và trúng đặc biệt yêu cầu chị trả lại, thực tế chị không có giữ 02 tờ vé số của anh T, sau đó anh T báo công an xã, huyện yêu cầu chị trả lại 02 tờ vé số nhưng thực chất chị không biết anh T mua vé số và chị không có giữ vé số của anh T mà 02 tờ vé số 96 và 32 là do chị mua chứ anh T không có gửi cho chị giữ hộ.

Đến ngày 26/6/2023, chị Q cùng cha chị là ông Lê Văn T2 đến tiệm V, ở thị xã B, tỉnh Vĩnh Long lãnh thưởng. Sau khi trừ thuế, hoa hồng chị lãnh được số tiền còn lại 1.793.000.000 đồng. Sau khi lãnh số về, anh T có hỏi mượn chị 300.000.000 đồng để trả nợ cá nhân của anh T, trong đó có 50.000.000 đồng bà Cao Thị T1 vay tiền Ngân hàng, chị đồng ý cho anh T mượn 300.000.000 đồng để trả nợ, chị đưa cho bà T1 50.000.000 đồng, còn lại 250.000.000 đồng chị đưa cho anh T mượn, nhưng anh T

báo Công an yêu cầu chị trả 02 tờ vé số trúng đặc biệt không được giải quyết, nay anh T khởi kiện chị ra Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu chị trả số tiền 1.493.000.000 đồng chị không thể chấp nhận.

Hai tờ vé số do chị trực tiếp mua từ anh D nhưng trúng có 01 tờ đặc biệt, chị không có giữ hộ anh T tờ vé số nào cả, anh T nói mua buổi chiều lúc 02 giờ chiều của anh D bán, còn chị thì mua 02 tờ vé số vào khoảng 9-10 giờ sáng của anh D.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả lại toàn bộ số tiền chị cho T mượn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2023, chị Q rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 50.000.000 đồng chị đưa cho bà T1, chỉ yêu cầu anh T trả lại 250.000.000 đồng, còn phần 50.000.000 đồng chị đưa cho bà T1 chị không yêu cầu anh T và bà T1 trả.

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Q là vợ chồng, anh chị thành hôn vào ngày 21/02/2023, không có đăng ký kết hôn.

Vào chiều khoảng 14-15 giờ ngày 23/6/2023, anh có mua 02 tờ vé số kiến thiết đài Vĩnh Long, một tờ mang dãy số 777096 và một tờ anh chỉ nhớ 03 số cuối là ...069 mở thưởng cùng ngày 23/6/2023 mua tại nhà anh T do anh Phan Thành D bán cho anh, sau khi mua anh đưa cho chị Q giữ hộ.

Qua ngày sau anh biết 02 tờ vé số kiến thiết anh mua đưa cho chị Q cất giữ hộ có 01 tờ vé số trúng thưởng dãy đặc biệt dãy số 777096. Sau khi phát hiện trúng thưởng đặc biệt, anh có gặp Q yêu cầu đưa lại tờ vé số trúng thưởng để anh đi lãnh số nhưng Q không đưa tờ vé số trúng thưởng.

Ngày 26/6/2023 chị Q cùng ông Lê Văn T2 tự ý đến tiệm V, ở thị xã B đổi số đặc biệt. Tổng giá trị giải thưởng là 2.000.000.000 đồng, trừ thuế, hoa hồng còn lại 1.793.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi ba triệu đồng).

Cùng ngày 26/6/2023, sau khi đổi số về chị Q có giao cho anh được 300.000.000 đồng, số tiền còn lại chị Q cất giữ không trả lại cho anh, anh có trình báo Công an yêu cầu giải quyết.

Tại cuộc hòa giải ngày 28/6/2023 chị Q trình bày chỉ đồng ý giao thêm cho anh số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại không giao nên anh không đồng ý nhận. Hiện chị Q còn giữ số tiền trúng số của anh 1.493.000.000 đồng.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Lê Thị Bé Q phải trả cho anh số tiền còn lại 1.493.000.000 đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Q yêu cầu anh trả số tiền chị Q cho anh mượn 300.000.000 đồng anh không đồng ý do số tiền này là tiền trúng số của anh, anh không có mượn tiền của chị Q.

Trong biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị T1 trình bày: Vào tháng 6/2023 chị Q có trúng số đặc biệt số cuối là 96 đài V, chị Q thì giấu nói không có trúng số, T thì nói là số thì T mua đưa cho Q, nhưng chị Q thề không trúng số.

Khi đi lãnh số ở B thì T theo dõi mới biết Q lãnh số. Sau khi lãnh số về thì Q đưa cho T 300.000.000 đồng, T đưa cho bà 50.000.000 à đồng để trả nợ ngân hàng của bà. Sau đó giữa Q và T xảy ra tranh chấp cho đến nay. Bkhông có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 104/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bé Q đối với bị đơn Nguyễn Văn T số tiền 50.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bé Q.

Buộc bị đơn Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Bé Q số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong người phải thi hành án dân sự chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Văn T, về việc yêu cầu chị Q trả số tiền 1.493.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T nộp toàn bộ án phí 69.290.000 đồng (Sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí anh T nộp 28.395.000 đồng theo lai thu số 0004284 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, còn lại 40.895.000 đồng (Bốn mươi triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) buộc anh Nguyễn Văn T nộp tiếp.

5. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Thị Bé Q 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo lại thu số 0004228 ngày 03/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, bị đơn anh Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung:

- Sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh về việc yêu cầu chị Lê Thị Bé Q có nghĩa vụ trả cho anh số tiền 1.493.000.000 đồng.
- Bác yêu cầu khởi kiện của chị Q về việc chị Q yêu cầu anh trả số tiền vay 250.000.000 đồng.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung:

Bác yêu cầu khởi kiện của chị Q về việc chị Q yêu cầu anh T trả cho chị Q số tiền vay 250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh T trình bày: anh xin thay đổi yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo, anh chỉ yêu cầu chị Q trả lại tiền trúng số là 400.000.000 đồng, chị Q đưa trước cho anh 300.000.000 đồng, còn lại yêu cầu chị Q trả lại cho anh số tiền còn lại là 100.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của anh T, chị Q chỉ đồng ý đưa cho anh T 300.000.000 đồng, chị đã đưa cho anh T xong, anh T yêu cầu chị Q đưa thêm 100.000.000 đồng chị Q không đồng ý.

Bà T1 trình bày: rút yêu cầu kháng cáo buộc chị Q trả tiền cho anh T theo yêu cầu của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: đề nghị đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Cao Thị T1, bác yêu cầu kháng cáo của anh T về việc yêu cầu chị Q trả thêm 100.000.000 đồng, ghi nhận sự tự nguyện của chị Q không yêu cầu anh T trả lại cho chị Q 250.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm anh T nộp 5.000.000 đồng. Án phí dân sự phúc thẩm anh T không phải nộp.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn T và bà Cao Thị T1 còn trong hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà T1 rút kháng cáo nên đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà T1.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng ý cho bị đơn số tiền 300.000.000 đồng (trong đó anh T nhận 250.000.000 đồng và đưa cho bà T1 50.000.000 đồng) nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm phần này, anh T không phải trả cho chị Q số tiền 250.000.000 đồng như án sơ thẩm đã xử.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T, anh T thay đổi yêu cầu kháng cáo xin thay đổi yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo chỉ yêu cầu chị Q đưa cho anh 400.000.000 đồng, chị Q đồng ý đưa cho anh 300.000.000 đồng, đã đưa anh nhận xong, hiện anh chỉ yêu cầu chị Q đưa thêm 100.000.000 đồng, là không vượt yêu cầu nên chấp nhận. Xét yêu cầu kháng cáo của anh T yêu cầu chị Q trả thêm cho anh 100.000.000 đồng là không có căn cứ, bởi lẽ ngoài lời trình bày của anh T không có chứng cứ gì chứng minh anh trúng tờ vé số, lời trình bày của chị Q tờ vé số trúng thưởng số 777096 trúng giải đặc biệt là có căn cứ, nhiều người làm chứng xác định chị Q là người trực tiếp

mua, quản lý vé số và lãnh số trúng thưởng, cấp sơ thẩm bác yêu cầu của anh T là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do sửa án sơ thẩm về số tiền yêu cầu của các đương sự và thay đổi yêu cầu phản tố, thay đổi yêu cầu kháng cáo, nên điều chỉnh án phí, anh T nộp án phí sơ thẩm trên số tiền bị bác yêu cầu là 100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh T, sửa bản án sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh T, sửa một phần án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của anh T về việc buộc chị Q trả thêm cho anh T số tiền 100.000.000 đồng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q, chị Q đồng ý cho anh T số tiền 250.000.000 đồng và không yêu cầu anh T trả cho chị Q số tiền trên.

3. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà T1.

4. Về án phí dân sự:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: anh T nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), số tiền tạm ứng án phí anh T nộp 28.395.000 đồng theo biên lai thu số 0004284 ngày 19/07/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T sẽ được khấu trừ vào án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 23.395.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho chị Lê Thị Bé Q 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo lại thu số 0004228 ngày 03/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: anh T không phải nộp án phí phúc thẩm, hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu số 0000201 ngày 09/10/2023 tại Chi cục Thi hành án huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- Chánh án 01;
- TAND huyện T 01;
- THADS huyện T 01;
- Các ĐS 03;
- HCTP 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 02.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng